TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH ĐẶNG NGUYỄN F&B

MÃ ĐƠN VỊ: 6101306404DNG46

MÃ KCB: null

DANH SÁCH THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN

Tháng 12 năm 2025

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Mã số BHXH	Số sổ cũ	Số thẻ BHYT	Ngày sinh	Giới tính	Nơi đăng ký KCB	Căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN					Tiền lương đóng BHXH	Tiền lương đóng BHYT	Tiền lương đóng BHTN	Tiền lương đóng BHTNLĐ, BNN	Chức danh công việc
									Tiền lương tiền công	Phụ cấp								
										Chức vụ	TN VK	TN NG	Khác					
1	Nguyễn Thị Ngọc	VN	025303002790	6221520651	DN4516221520651	03/11/2003	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Kế toán
2	Trần Ngọc Thành Nhân	VN	046204002925	7931415633	DN4517931415633	01/06/2004	Nam	62 - 160	3,860,000					3,860,000	3,860,000	3,860,000	3,860,000	Nhân viên giao hàng
3	Đặng Lê Nhân	VN	062088003528	6221085470	DN4516221085470	04/09/1988	Nam	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Giám đốc
4	Lê Tấn Quân	VN	062099003086	6221713316	DN4516221713316	18/04/1999	Nam	62 - 160	3,860,000					3,860,000	3,860,000	3,860,000	3,860,000	Nhân viên giao hàng
5	Đinh Thị Nhất Linh	VN	062191000448	7916487602	DN4517916487602	02/04/1991	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Nhân viên bán hàng
6	Trần Hoàng Lan Vân	VN	062197006741	7938140871	DN4517938140871	12/04/1997	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Nhân viên Kế toán
7	Phạm Minh Hiếu	VN	062201000654	6020867033	GD4516020867033	10/01/2001	Nam	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Nhân viên bán hàng
8	Đặng Hồng Quốc Việt	VN	062203001647	6220962015	DN4516220962015	17/12/2003	Nam	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	THỦ KHO
9	Ngô Thị Mỹ Tuyết	VN	062300001837	6221533874	GD4516221533874	23/07/2000	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Nhân viên bán hàng
10	Nguyễn Thị Hoàng Yến	VN	067185002764	3606002308	DN4513606002308	12/04/1985	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Kế toán trưởng
11	Nguyễn Thị Thuý Liễu	VN	067191004272	7910474188	DN4517910474188	05/10/1991	Nữ	62 - 160	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Phó giám đốc
12	Nguyễn Thị Tú Uyên	VN	067192004733	6221065864	GD451067192004733	27/11/1992	Nữ	62 - 159	4,130,200					4,130,200	4,130,200	4,130,200	4,130,200	Cửa hàng trưởng
13	Trương Khắc Ghi	VN	083089011533	8321941641	DN4518321941641	12/06/1989	Nam	62 - 160	3,860,000					3,860,000	3,860,000	3,860,000	3,860,000	Nhân viên kỹ thuật
Cộng HS																		
Cộng ML									**52,882,000**					**52,882,000**	**52,882,000**	**52,882,000**	**52,882,000**	
Tổng Cộng														**52,882,000**	**52,882,000**	**52,882,000**	**52,882,000**	

TỔNG HỢP CHUNG

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

1. Số lao động:	**13**
2. Số lao động TN:	**13**
3. Quỹ lương BHXH:	**52,882,000**
4. BHXH phải đóng:	**13,220,500**
5. Trừ 2% đơn vị giữ lại:	
6. Quỹ lương BHYT:	**52,882,000**
7. BHYT phải đóng:	**2,379,690**
8. Quỹ lương BHTN:	**52,882,000**
9. BHTN phải đóng:	**1,057,640**
10. Quỹ lương BHTNLĐ, BNN:	**52,882,000**
11. BHTNLĐ, BNN phải đóng:	**264,410**

CÁN BỘ THU BHXH	PHỤ TRÁCH THU BHXH	NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
Trương Văn Vinh			